**TIẾT 25**

**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM  **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN MÔN: *NGỮ VĂN 12***

***Năm học: 2024 – 2025***

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành phần năng lực** | **Mạch nội dung** | **Số câu** | **Mức độ nhận thức** | | | | | |  |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | **Tổng**  **% điểm** |
| Số câu | Tỉ lệ | Số câu | Tỉ lệ | Số câu | Tỉ lệ | **40%** |
| **1** | **Đọc** | - Văn bản nghị luận | 4 | 2 | 20% | 1 | 10% | 1 | 10% |
| **2** | **Viết** | - Viết đoạn văn nghị luận xã hội | 1 | **5%** | | **10%** | | **5%** | | **20%** |
| - Viết bài văn nghị luận văn học | 1 | **10%** | | **10%** | | **20%** | | **40%** |
| **Tỉ lệ** | | |  | ***35%*** | | ***30%*** | | ***35%*** | | **100** |
| **Tổng** | | | **6** | **100%** | | | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |  |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được phương thức biểu đạt.  - Xác định được các chi tiết trình bày trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các BPTT này.  **Vận dụng:**  Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản.  Rút bài học cho bản thân. | 2 | 1 | 1 | 40 |
| **II** | **LÀM VĂN** | 1.Viết đoạn nghị luận xã hội | **Nhận biết:**  - Giới thiệu được vấn đề nghị luận.  - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề nghị luận.  - Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình đối với thông điệp được gợi ra từ vấn đề nghị luận.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được đặc sắc của vấn đề nghị luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | 1\* | 1\* | 1 câu TL | 20 |
| 2. Viết văn bản nghị luận so sánh hai đoạn trích/ tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**  **-** Giới thiệu được ngắn gọn, đầy đủ về hai đoạn trích/ tác phẩm văn học.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  - Sử dụng các thao tác lập luận chính gồm so sánh, đánh giá trong bài viết.  **Thông hiểu:**  - Lựa chọn được những cơ sở, căn cứ hợp lí, khoa học để so sánh.  - Phân tích, chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/ tác phẩm văn học.  - Lí giải được lí do dẫn tới sự giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/ tác phẩm văn học.  **Vận dụng:**  Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của sự giống và khác nhau giữa hai văn bản theo quan điểm riêng của cá nhân.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1 câu TL | 40 |
| **Tỉ lệ** | | | | ***35%*** | ***30%*** | ***35%*** | ***100%*** |
| **Tổng** | | | | **100%** | | |

**I. NỘI DUNG ÔN TẬP:**

1. Hình thức bài thi: tự luận

2. Thời gian: 90 phút

3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết (Làm văn)

***\* Phần I: Đọc hiểu (6.0 điểm ):***

* **Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại Văn nghị luận
* ***Yêu cầu:***
* Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại Văn Nghị luận …
* Cần rèn luyện kĩ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.
* Cần rèn luyện kĩ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm 2 câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng

***\* Phần II: Viết (6,0 điểm):***

***1. Nghị luận xã hội***

*- Về kiến thức:*

* Kiến thức là một vấn đề xã hội không có trong chương trình Sách giáo khoa Ngữ văn 12.
* Phạm vi: Về một tư tưởng đạo lí
* *- Về kĩ năng: yêu cầu HS nắm được:*
* Kĩ năng viết một bài văn nghị luận xã hội: một tư tưởng đạo lí
* ***Dung lượng: 150 chữ***

***2. Nghị luận văn học***

*- Về kiến thức:*

* Kiến thức là một bài thơ/ đoạn thơ không có trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 12

*- Về kĩ năng: yêu cầu HS nắm được:*

* Kĩ năng viết một bài văn nghị luận so sánh, đánh giá 2 tác phẩm/ đoạn thơ

Dung lượng: 500 chữ

**II. HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG VIẾT BÀI SO SÁNH HAI TÁC PHẨM/ ĐOẠN TRÍCH THƠ**

* 1. **LÍ THUYẾT**
     + - Bố cục bài viết gồm ba phần:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài:** | * *Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả.* * *Nêu vấn đề cần so sánh.* |
| **Thân bài:** | *Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ. Có thể lần lượt chỉ ra những điểm tương đồng/ khác biệt trên từng khía*  *cạnh của nội dung, vấn đề.* |
|  | Triển khai cụ thể như sau:  ***\* Khái quát chung***  - Giới thiệu vài nét về hai tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi). |
|  | * Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm:   + Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi).  + Đề tài, chủ đề, cảm hứng, thể thơ, ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật ... (Căn cứ vào văn bản).   * Khái quát điểm giống và điểm khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/đoạn trích.   ***\* So sánh, đánh giá hai tác phẩm***   * ***Luận điểm 1.*** Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ nhất theo phương diện đã xác định   + **Nội dung**: đề tài, chủ đề, hình tượng thơ và cảm xúc của nhân vật trữ tình...  + **Nghệ thuật**: Thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp tu từ...   * ***Luận điểm 2.*** Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ hai trong sự so sánh với đối tượng thứ nhất theo từng phương diện.   + ***Nội dung***:  ++ Đề tài, chủ đề của tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.  ++ Hình tượng thơ và cảm xúc của nhân vật trữ tình trong tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.  + ***Nghệ thuật***: Thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp tu từ... Điểm khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.   * ***Luận điểm 3.*** Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa.   + Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt:  ++ Bối cảnh thời đại.  ++ Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học.  ++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả.  + Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt:  ++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.  ++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.  ***\* Đánh giá:***  - Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và |

|  |  |
| --- | --- |
|  | khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.  - Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả. |
| **Kết bài:** | Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của  mỗi tác giả. |

* + 1. **Các cách triển khai cơ bản cho kiểu bài so sánh:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bố cục** | | **Cách triển khai**  **nối tiếp** | **Cách triển khai**  **song hành** | **Cách kết hợp nối tiếp**  **và song hành** |
| **Mở bài** | | Giới thiệu hai tác phẩm được xác định là đối tượng của sự so  sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá. | | |
| **Thân bài** | **Khái quát**  **chung** | Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... | | |
| **Luận điểm 1** | Phân tích đối tượng thứ nhất về nội dung, nghệ  thuật | Điểm giống nhau của hai đối tượng về nội dung, nghệ  thuật | Phân tích đối tượng 1 theo các phương diện đã xác định |
| **Luận điểm 2** | Phân tích đối tượng thứ hai về nội dung, nghệ thuật | Điểm khác nhau của hai đối tượng về nội dung, nghệ thuật | Phân tích đối tượng thứ hai sẽ so sánh với đối tượng thứ nhất theo từng phương diện. |
| **Luận điểm 3** | Nêu rõ điểm giống, khác; lí giải và nêu ý nghĩa   * Điểm tương đồng   + Nội dung  + Nghệ thuật  + Điểm khác biệt  ++ Nội dung  ++ Nghệ thuật   * Lí giải vì sao có | Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa  - Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt:  ++ Bối cảnh thời đại  ++ Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn  học | Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa   * Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt: * Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | điểm tương đồng, khác biệt:  + Bối cảnh thời đại  + Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học  + Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả  - Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt  + Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.  + Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của  nền văn học. | ++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả  - Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt  ++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.  ++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học. |  |
|  | **Đánh giá** | * Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. * Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả | | |
| **Kết bài** | | * Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm * Có thể nêu những ấn tượng của bản thân. | | |

**III.ĐỀ THAM KHẢO**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm) Đọc văn bản sau:**

*Tình yêu và lòng kiên nhẫn có thể được hình dung như hai nhánh của sợi dây thừng luôn bện chặt vào nhau, như chuỗi DNA là nguồn gốc tạo nên sự sống của con người. Bằng tình yêu, chúng ta có thể kiên nhẫn với bản thân, với mọi người và chính với cuộc sống. Bằng lòng kiên nhẫn, chúng ta có thể yêu thương bản thân mình, những người xung quanh, và thậm chí với cả những thử thách nghiệt ngã của cuộc đời. Tình yêu và lòng kiên nhẫn luôn ở bên nhau, hỗ trợ nhau nhiều điều!*

*Một trong những tác giả vĩ đại nhất của thế kỷ 19, Henry Drummond, đã nhận xét trong tác phẩm nổi tiếng The Greatest Thing in the World rằng: "Thế giới không phải là một chốn để dạo chơi, nó là một trường học. Cuộc đời không phải là một kỳ nghỉ, nó là một quá trình đào tạo. Và luôn có một câu hỏi cho tất cả chúng ta là làm thế nào để ta có thể yêu thương nhau nhiều hơn".*

*Có thể lòng kiên nhẫn sẽ giúp bạn vượt qua mọi sóng gió của cuộc đời và tình yêu của bạn đối với bản thân cũng như những người xung quanh sẽ dẫn dắt bạn phát triển tính kiên nhẫn của mình, cho tới khi nó tỏa sáng trên thế giới và đem lại lợi ích cho tất cả!...*

(Trích *Sức mạnh của lòng kiên nhẫn* – M.JRyan, Hoàng Yến dịch, 2018, tr.232-233)

**Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 8:**

**Câu 1*.*(1.0 điểm).** Xác định phương thức biểu đạt chính

**Câu 2(1.0 điểm).** Theo đoạn trích, bằng tình yêu và lòng kiên nhẫn, chúng ta có thể làm được gì?

**Câu 3. (1.0 điểm).** Chỉ ra và nêu hiệu quả của 01 biện pháp nghệ thuật được sử dụng ở câu đầu trong đoạn trích.

**Câu 4( 1.0 điểm).** Theo anh/ chị lòng kiên nhẫn cần thiết như thế nào đối với con người trong cuộc sống?

**II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)**

**Câu 1. (2,0 điểm).**

Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về sự cần thiết phải có lòng kiên nhẫn ở thế hệ trẻ.

**Câu 2 ( 4 đ)**  Anh/Chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) so sánh cái tôi trữ tình Xuân Diệu và Hàn Mặc Tử qua hai bài thơ “Nụ cười xuân” (Xuân Diệu) và “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính).

|  |  |
| --- | --- |
| NỤ CƯỜI XUÂN  (Xuân Diệu)  Giữa vườn inh ỏi tiếng chim vui, Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời. Sao buổi đầu xuân êm ái thế!  Cánh hồng kết những nụ cười tươi.  Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao, Cây vàng rung nắng , lá xôn xao; Gió thơm phơ phất bay vô ý  Đem đụng cành mai sát nhánh đào.  (Trích “Nụ cười xuân” Xuân Diệu tác  phẩm chọn lọc, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009, tr. 28 -29) | MÙA XUÂN XANH  (Nguyễn Bính) Mùa xuân là cả một mùa xanh Giời ở trên cao, lá ở cành  Lúa ở đồng tôi và lúa ở  Đồng nàng và lúa ở đồng anh.  Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh Tôi đợi người yêu đến tự tình Khỏi lũy tre làng tôi nhận thấy Bắt đầu là cái thắt lưng xanh.  (Theo Thơ Nguyễn Bính, NXB Giáo dục, 2002) |

**Hướng dẫn chấm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **PHẦN ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | Nghị luận | 1.0 |
| **2** | Theo đoạn trích, bằng tình yêu và lòng kiên nhẫn, chúng ta có thể:  + *kiên nhẫn với bản thân, với mọi người và chính với cuộc sống.*  + *yêu thương bản thân mình, những người xung quanh, và thậm chí với cả những thử thách nghiệt ngã của cuộc đời.*  + *vượt qua mọi sóng gió của cuộc đời* | 1.0 |
| **3** | Chỉ ra và nêu hiệu quả của 01 biện pháp nghệ thuật được sử dụng ở câu đầu trong đoạn trích:  - Biện pháp nghệ thuật: So sánh *Tình yêu và lòng kiên nhẫn* được ví như *hai nhánh của sợi dây thừng luôn bện chặt vào nhau*,như *chuỗi DNA là nguồn gốc tạo nên sự sống của con người*. (0,5 điểm)  -Hiệu quả:  + Nghệ thuật: Giúp văn bản trở nên sinh động, giàu sức gợi hình, gợi cảm hơn.  +Nội dung: diễn tả mối quan hệ khăng khít giữa tình yêu và lòng kiên nhẫn và vai trò của chúng với cuộc sống con người. (GV vẫn cho điểm nếu HS xác định biện pháp nghệ thuật liệt kê hoặc điệp từ “như” và nêu đúng hiệu quả của biện pháp tu từ đó) | 1,0 |
|  | **4** | Học sinh nêu ra quan niệm của tác giả về lòng kiên nhẫn và có nhận xét hợp lí, thuyết phục thì được chấp nhận | 1.0 |
| **II** |  | **PHẦN VIẾT** | **2,0** |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở đoạn* nêu được vấn đề, *Thân đoạn*  triển khai được vấn đề, *Kết đoạn* kết luận được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:* Sự cần thiết của lòng kiên nhẫn | 0,25 |

\* Giải thích: Kiên nhẫn là gì?

\* Bàn luận:

+ Kiên nhẫn giúp con người có ý chí, nghị lực vững vàng để chinh phục ước mơ.

+ Kiên nhẫn trở thành động lực tiếp thêm hi vọng cho con người trong những lúc khó khăn.

+ Nhờ kiên nhẫn, con người trở nên sâu sắc và hiểu biết hơn, biết đánh giá cuộc sống một cách khách quan, toàn diện.

\* Mở rộng:

Nêu phản đề

\* Suy nghĩ của bản thân/ bài học rút ra

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Mở bài:** Giới thiệu hai tác phẩm được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá.

Xuân Diệu, Nguyễn Bính là hai trong ba đỉnh cao của phong trào thơ mới nhưng mỗi người có một phong cách riêng. Nếu Xuân Diệu được xem là nhà thơ *“mới nhất trong các nhà thơ mới*” (Hoài Thanh) thì Nguyễn Bính được coi là nhà thơ *“chân quê”*. Cả hai nhà thơ đều có cảm hứng với mùa xuân nhưng mỗi người có một cách cảm riêng. Điều đó thể hiện ở cái tôi trữ tình trong hai bài thơ viết về mùa xuân, “Nụ cười xuân” (Xuân Diệu) và “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính). Làm nên sự độc đáo và hấp dẫn của mỗi bài thơ chính là ở những vẻ đẹp tương đồng, khác biệt.

**Thân bài:** so sánh cái tôi trữ tình Xuân Diệu và Nguyễn Bính qua hai bài thơ “Nụ cười xuân” (Xuân Diệu) và “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính).

**Luận điểm 1:** Làm rõ điểm tương đồng của hai bài thơ.

+ Hai bài thơ cùng ra đời trong phong trào thơ mới nên hai nhà thơ Xuân Diệu và Nguyễn Bính có điểm gặp gỡ là chung một đề tài, cả hai bài thơ đều viết về thiên nhiên đất trời vào mùa xuân. Về thi liệu và thủ pháp nghệ thuật, cả hai bài thơ đều sử dụng những hình ảnh quen thuộc của mùa xuân như: cỏ cây, hoa lá, trời xuân, sắc xuân, tình xuân…và nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” để bộc lộ cái nhìn và cảm xúc rất khác nhau về mùa xuân

**Luận điểm 2**: Làm rõ điểm khác biệt của hai bài thơ. So sánh điểm khác biệt của chủ thể trữ tình: Xuất phát từ quan điểm thấm mĩ khác nhau, chủ thể trữ tình trong hai bài thơ cũng có cách nhìn cách cảm về mùa xuân khác nhau. Bài thơ “Nụ cười xuân” của Xuân Diệu là bức tranh mùa xuân tươi vui, rộn rã, tràn đầy sức sống, con người ngây ngất trước mùa xuân đẹp của đất trời còn bài thơ “Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính là bức tranh mùa xuân tươi mới, căng tràn của mùa xuân và mối giao hòa giữa thiên nhiên và con người.

- Trong bài thơ “Nụ cười xuân” Xuân Diệu nhìn cái đẹp của mùa xuân gắn với hình ảnh người thiếu nữ khát vọng đợi chờ một tình yêu giống như khát vọng của nhà thơ về cuộc sống muôn màu sắc. Bởi với Xuân Diệu thì mùa xuân thường gắn tuổi trẻ và tình yêu. Nhà thơ đã nắm bắt được những nét thần thái của mùa xuân nên mùa xuân trong thơ Xuân Diệu tràn đầy sức sống. Cảnh sắc của mùa xuân được cảm nhận qua: *tiếng chim vui, chói mặt trời, cánh hồng, nụ cười tươi, ánh sáng, cây vàng, rung nắng lá xôn xao, gió thơm, phơ phất, cành mai, nhánh đào*...

Mỗi yếu tố đều thật tình tứ, đáng yêu, chúng hoà quyện vào nhau, tôn lên nhau làm nên thần thái cho bức tranh mùa xuân thật tươi đẹp, rực rỡ, chan hòa. Thiên nhiên đã được nhân hoá qua các từ như ôm trùm, rung nắng, bay vô ý… khiến chúng trở nên thật gần gũi, đáng yêu giống như con người. Đặc biệt trong câu thơ

“*Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều”* nghệ thuật ẩn dụ nhân hoá được sử dụng tinh tế và sáng tạo khiến người đọc liên tưởng đến những cành liễu rủ mình bên hoa yêu kiều và tình tứ giống như người con gái đang buông mái tóc dài trong hương xuân ngây ngất …Bài thơ là bức tranh xuân tươi vui, rộn rã, say đắm lòng người. Đó là

cái nhìn và cảm xúc của một thi sĩ có tâm hồn tinh tế, khát khao giao hoà đắm say với vẻ đẹp của mùa xuân.

- Bài thơ đã tả những sắc xanh của trời, lá, lúa, cỏ, lũy tre, thắt lưng. Các sắc xanh này giao hòa, tỏa lan, và nổi bật nhất là các thắt lưng xanh của người con gái. Qua đó, tác giả đã thể hiện vẻ đẹp tươi mới, căng tràn của mùa xuân và mối giao hòa giữa thiên nhiên và con người.

+ Trong bài thơ từng dòng thơ, từng sự vật như tơ vương kết với nhau. Câu thơ “*Mùa xuân là cả một mùa xanh”* như một thừa nhận. Ba dòng thơ tiếp chứng minh: giời ở trên cao xanh, lá ở cành xanh, lúa trên đồng tôi, đồng nàng và đồng anh cũng xanh. Một liên tưởng bất ngờ rất ngẫu nhiên giữa cái xanh chung của giời đất, cỏ cây vẫn còn cái xanh riêng của hai người.

+ Nhân vật trữ tình lộ diện qua cách xưng hô “tôi” - “nàng” - “anh” là người con trai trẻ đang thầm yêu người con gái đồng quê. Cách dùng đại từ khéo léo “tôi” và

“nàng” - cách xưng hô của người quê với nhau rồi chuyển sang “nàng” với “anh”- cách xưng hô của nam nữ yêu nhau.

+ Nguyễn Bính luôn biết chắt chiu từ chữ, từng lời mộc mạc mà đằm thắm, chân tình. Một mối tư tình kín đáo của chàng trai thôn quê dần lộ ra khiến bài thơ phảng phất màu sắc triết lí: “*Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh/ Tôi đợi người yêu đến tự tình”*Trên nấm mộ gợi về cõi chết, sự sống (cỏ) đang được hồi sinh, và tình yêu, sự sinh sôi cũng đang được bắt đầu. Một buổi sáng mùa xuân trong trẻo, xanh cây, xanh niềm hy vọng, chàng nhìn giời, nhìn cây, nhìn khắp cánh đồng lúa chiêm xuân xanh mơn mởn trong sự đợi chờ. Chàng ngẫm ra “cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh”, đợi mưa xuân, gió ấm để mọc lên thêm lá, sinh sôi phát triển. Còn tôi, “tôi đợi người yêu đến tự tình”, để nói chuyện lứa đôi, thỏa mong nhớ xa cách.

+ Không còn giấu giếm, chàng trai thừa nhận đang bồn chồn đợi người con gái làng bên. Lời thơ như lời nói hàng ngày, thấy gì thì viết vậy mà tình ý sâu sa và tế nhị, kín đáo. Nỗi nhớ mong cồn cào kiên nhẫn đợi người yêu - giống như cỏ xanh kia nằm đó suốt mùa đông lạnh giá đợi mưa xuân, nắng xuân. Cả trái tim, ánh mắt chàng hướng về con đường nhỏ phía lũy tre làng. Giữa bao người áo váy đủ màu, rực rỡ hội xuân từ xa, người trai cày vẫn nhận thấy “cái thắt lưng xanh” - dấu hiệu của người yêu mà chàng đã khắc sâu trong tim. Màu xanh nhỏ bé kia làm rạo rực con tim người con trai đã khép lại bài thơ về đề tài tình yêu lứa đôi.

Tóm lại: Cái tôi của Xuân Diệu và Nguyễn Bính trong hai bài thơ đã thực sự được giải phóng, không còn dáng vẻ bỡ ngỡ, dè dặt trước đó mà rất thành thật, táo bạo. Đó là biểu hiện của một quan niệm nhân sinh mới mẻ, tích cực- biểu hiện mới của thơ ca hiện đại Việt Nam.

**Luận điểm 3:** Lí giải điểm tương đồng khác biệt

+ Có những điểm tương đồng là do cả Xuân Diệu và Nguyễn Bính đều là hai nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ mới; cả hai tác phẩm đều viết về mùa xuân.

+ Có điểm khác biệt là do yêu cầu bắt buộc của văn học (không cho phép sự lặp lại) và do phong cách riêng của mỗi nhà thơ.

Sau đây là một cách lí giải:

Leptônxtôi từng nói: *“Khi đọc xong tác phẩm văn học, hứng thú chủ yếu là tính cách tác giả được thể hiện trong đó ”. Đúng vậy đến với hai bài thơ ta bắt gặp hai phong cách nghệ thuật độc đáo.*

+ Nếu thơ Xuân Diệu thể hiện tâm hồn luôn yêu đời, yêu cuộc sống nồng nhiệt, luôn khát khao giao cảm với những khát vọng táo bạo, mãnh liệt, thiên nhiên nhuốm màu tình tứ, tràn ngập hương sắc và xuân tình; luôn lấy con người làm

thước đo chuẩn mực cho cái đẹp thì thế giới nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bính là một thế giới đa dạng, nhiều sắc màu đặc biệt là không gian của làng quê Việt nam với những con người chân chất giản dị mà dịu dàng lãng mạn đắm say.

+ Thơ Xuân Diệu thoát khỏi hệ thống biểu hiện ước lệ, phi ngã câu thơ cũ, ông mạnh giản đề xướng “cái tôi” say đắm, chân thành, khao khát sống, khao khát yêu thương. Dấu ấn riêng về nghệ thuật: Sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và luận lí; Huy động các giác quan để khám phá và miêu tả sự vật; Ngôn ngữ, giọng điệu thơ, thủ pháp nghệ thuật cách tân táo bạo. Còn Nguyễn Bính đã đưa vào Thơ mới những sáng tạo độc đáo, những hình tượng ngôn từ đầy ấn tượng, gợi cảm giác liên tưởng và suy tưởng phong phú. Nhà thơ đã dùng ngôn ngữ thơ giản dị, cấu tứ mộc mạc của lối thơ tự do xem trọng cảm xúc, mạch thơ uyển chuyển và cách kết bất ngờ tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn của bài thơ. Câu chuyện của chàng trai đồng quê chỉ kể chuyện trông giời trông đất, trông cây đã giúp người đọc hiểu được tình yêu rất đằm thắm, thủy chung của hai người.

Việc so sánh cái tôi trữ tình của hai nhà thơ cũng giúp ta hiểu thêm về hai phong cách sáng tác.

**Đánh giá:**

+ Hai bài thơ cùng viết về mùa xuân nhưng “Nụ cười xuân” (Xuân Diệu) và “ Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính có những cách nhìn, cách cảm về mùa xuân khác nhau. Mỗi cách nhìn, cách cảm đều có cái hay, cái độc đáo riêng. Ta thích sự vồ vập, sôi nổi, đắm say của Xuân Diệu nhưng ta cũng yêu sự trầm tĩnh, nhẹ nhàng, sâu lắng của Nguyễn Bính. Chính cá tính sáng tạo làm nên nét riêng độc đáo của từng nhà thơ.

+ Xuân Diệu và Nguyễn Bính xứng đáng là hai đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ mới. Thơ mới đem đến giới trẻ nguồn cảm hứng mới, hấp dẫn và mãnh liệt, gợi cảm và gợi tình khi viết về tình yêu lứa đôi. Cách biểu đạt của Thơ mới phá vỡ sự gò ép, khuôn thước quy phạm của thơ Đường luật cả về hình thức và nội dung cảm hứng. Bài thơ “Mùa xuân xanh” và nụ cười xuân xứng đáng là hai trong những bài thơ viết về mùa xuân hay nhất của thơ hiện đại nước ta.

**3. Kết bài**

- Khẳng định đây đều là hai bài thơ đặc sắc viết về mùa xuân và thể hiện sâu sắc cái tôi trữ tình và phong cách nghệ thuật của hai nhà thơ. Mỗi nhà văn có một phong cách nghệ thuật độc đáo.